

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2021/DS-PT

Ngày 04-6-2021

V/v “*Đòi nợ từ hợp đồng mua bán
tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Phong

Các thẩm phán:

Ông Phạm Tiến Hiệp

Ông Nguyễn Viết Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Thế Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2021/TLPT- DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2021/QĐXXPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Phục H, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ 10, khu phố Ph, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1964

Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr (Tr1), sinh năm 1972; Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp Th, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và lời trình bày của nguyên đơn tại tòa án: Bà Võ Thị Phục H là chủ Hộ kinh doanh cá thể kinh

doanh thức ăn gia súc, ông Phạm Văn Ch bà Nguyễn Thị Tuyết Tr (Tr1) là người chăn nuôi. Giữa bà H với ông Ch bà Tr có thỏa thuận với nhau về việc bà H cung cấp cám cho ông Ch bà Tr chăn nuôi heo, nuôi gà theo hình thức lấy cám chăn nuôi trước, khi bán heo, gà mới thanh toán tiền cám. Quá trình chăn nuôi thì cho đến nay ông Ch bà Tr còn nợ bà H tổng cộng 1.838.168.000đ (một tỷ tám trăm ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Trong đó tiền nợ cám heo là 1.318.340.000đ, tiền nợ cám gà là 519.828.000đ (năm trăm mười chín triệu tám trăm hai mươi tám nghìn). Bà H yêu cầu ông Ch bà Tr phải trả toàn bộ các khoản nợ nêu trên. Ngoài ra bà còn yêu cầu ông Ch bà Tr phải trả các khoản lãi 1%/tháng trên nợ gốc tính từ ngày ngừng lấy cám tới ngày xét xử sơ thẩm; yêu cầu ông Ch bà Tr phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất 1%/tháng trên toàn bộ số nợ gốc cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

Ông Phạm Văn Ch bà Nguyễn Thị Tuyết Tr (Tr1) trình bày: Ông Ch, bà Tr thống nhất với lời trình bày của bà Võ Thị Phục H về việc mua cám chăn nuôi heo, gà và về thời gian chốt nợ về số nợ gốc còn lại là 1.838.168.000đ như bà H đã trình bày. Do chăn nuôi bị dịch bệnh nên thua lỗ dẫn tới việc thiếu nợ tiền cám của bà Võ Thị Phục H. Hiện nay ông Ch, bà Tr không có khả năng trả nợ một lần, yêu cầu được trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả cho chị H 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi hết số nợ gốc, còn tiền lãi bà xin không trả.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự. Quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì các bên đều thống nhất là vợ chồng ông Phạm Văn Ch bà Nguyễn Thị Tuyết Tr còn nợ tiền mua cám của bà Võ Thị Phục H là 1.838.168.000đ. Vì vậy yêu cầu của bà H về việc buộc ông Ch bà Tr trả nợ gốc 1.838.168.000đ là có cơ sở. Về tiền lãi thì yêu cầu của bà H về lãi suất 1%/tháng/nợ gốc là cao hơn mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự. Vì vậy yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông Ch, bà Tr trả cho bà H 1.838.168.000đ nợ gốc; về tiền lãi thì áp dụng Điều 357, 469 Bộ luật dân sự để giải quyết, buộc ông Ch bà Tr phải trả lãi cho bà H theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày chấm dứt mua bán cho đến ngày xét xử.

Tại Bản án sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã B đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Phục H. Buộc ông Phạm Văn Ch và bà Nguyễn Thị Tuyết Tr (Tr1) phải trả cho bà Võ Thị Phục H số tiền mua cám còn thiếu là 1.838.168.000đ (một tỷ tám trăm ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng) và 480.163.348đ (bốn trăm tám mươi

triệu một trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng) tiền lãi. Tổng cộng cả gốc và lãi là 2.318.331.348đ (hai tỷ ba trăm mười tám triệu ba trăm ba mươi một nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng)

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và các chi tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 bà Nguyễn Thị Tuyết Tr và ông Phạm Văn Ch kháng cáo Bản án số 04/2021/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã B, với lý do: Hội đồng cấp sơ thẩm đã đánh giá thiếu khách quan không đảm bảo tính minh bạch của vụ án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm, sửa án sơ thẩm về nợ gốc và lãi suất buộc bà trả một lần, bà yêu cầu ¹cho bà trả nợ gốc 10.000.000đ/tháng; ²không tính tiền lãi suất, để cho vợ chồng bà tập trung làm kinh tế tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Võ Thị Phục H.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên kháng cáo.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin trả tiền gốc 10.000.000đ/1 tháng, xin không trả tiền lãi của bị đơn.

Nguyên đơn và phía bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì thêm.

Nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về phần lãi suất, áp dụng khoản 2 Điều 308, 309 BLTTDS năm 2015 sửa một phần Bản án sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã B theo hướng buộc bà Tr, ông Ch trả cho bà H tiền nợ gốc 1.838.168.000đ, tiền lãi suất kể từ ngày nhận nợ 04/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 16 tháng 3 năm 2021, đối với yêu cầu trả nợ 10.000.000đ/ tháng không được nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận, án phí tính lại tiền án phí sơ thẩm cho phù hợp với quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Tr và ông Phạm Văn Ch làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét thấy, cấp sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng bà Nguyễn thị Tuyết Tr và ông Phạm Văn Ch có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Võ Thị Phục H số tiền nợ hàng hóa theo giấy chốt nợ ngày 04 tháng 12 năm 2020 với số tiền 1.838.168.000 là có căn cứ, phù hợp với các căn cứ của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết Tr và ông Phạm Văn Ch Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Ông Ch và bà Tr kháng cáo xin trả dần số tiền nợ 1.838.168.000đ theo hướng mỗi tháng trả từ 15 đến 20 triệu, tuy nhiên nguyên đơn bà H không đồng ý. Do đó cấp phúc thẩm xét thấy kháng cáo trên của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

- Đối với kháng cáo xin miễn tiền lãi do làm ăn thua lỗ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tòa cấp sơ thẩm nhận định do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên phía nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi trong thời gian chậm trả là không có cơ sở. Vì tại sổ ghi chép cầm heo và gà từ (BL 57 đến 117) chỉ thể hiện ghi chép theo giới công nợ, bên bán bà H và bên mua bà Tr, ông Ch không thể hiện, thỏa thuận về lãi suất chậm trả nợ gốc khi mua bán cầm. Chỉ từ khi hai bên có văn bản cam kết và thỏa thuận theo giấy nhận nợ và thanh toán tiền lãi từ ngày 04 tháng 12 năm 2020 (BL06) ngoài ra không còn tài liệu nào thể hiện ông Ch, bà Tr phải thanh toán tiền lãi nợ cầm trên số tiền nợ gốc trước thời điểm ngày 04 tháng 12 năm 2020, chỉ đến khi hai bên có thỏa thuận trả lãi là ngày 04 tháng 12 năm 2020 (BL 06) nên áp dụng các quy định tại khoản 3 Điều 440, khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết về mức lãi suất (10%/năm) vì vậy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn cũng như kháng cáo về yêu cầu không tính lãi của bị đơn và như cấp sơ thẩm đều không phù hợp nên cần sửa án sơ thẩm về phần lãi suất theo quy định của pháp luật.

Cụ thể về tiền lãi như sau:

Đối với tiền lãi trên số nợ mua cầm heo và gà: Thời gian tính lãi từ ngày 04/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/3/2021 được tính như sau:

Tiền nợ cầm heo và gà: $1.838.168.000đ \times 0,83\%/tháng \times 3 \text{ tháng}$
ngày = 51.873.102đ.

Tổng tiền nợ và lãi là: $1.838.168.000đ + 51.873.102 = 1.890.041.102$
(Một tỷ tám trăm chín mươi triệu không trăm bốn mươi một nghìn một trăm lẻ hai đồng).

[3] Về án phí do sửa án sơ thẩm nên án phí được tính lại: Ông Phạm Văn Ch và bà Nguyễn Thị Tuyết Tr có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu tiền án phí sơ thẩm trên số nợ phải trả là 1.890.041.102đ. Cụ thể là: $36.000.000đ + (1.090.041.102đ \times 3\% = 32.701.233đ) = 68.701.233đ$ (Sáu mươi tám triệu bảy trăm lẻ một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

Bà Võ Thị Phục H phải chịu án phí đối với yêu cầu tính lãi không được chấp nhận với số tiền:

$480.163.348đ - 51.873.102đ = (428.290.246 = 20.000.000đ) + 28.290.246 \times 4\% = 21.131.610đ$ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Tr, ông Ch được chấp nhận một phần nên ông, bà không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Tr, ông Phạm Văn Ch.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã B như sau:

Áp dụng Điều 430, khoản 3 Điều 434, khoản 3 Điều 440 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Phục H. Buộc ông Phạm Văn Ch và bà Nguyễn Thị Tuyết Tr (Tr1) phải trả cho bà Võ Thị Phục H số tiền nợ mua cám heo, gà 1.838.168.000đ (một tỷ tám trăm ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng) và 51.873.102đ (năm mươi một triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn một trăm lẻ hai đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 1.890.041.102đ (Một tỷ tám trăm chín mươi triệu không trăm bốn mươi một nghìn một trăm lẻ hai đồng).

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn Ch và bà Nguyễn Thị Tuyết Tr phải chịu 68.701.233đ (Sáu mươi tám triệu bảy trăm lẻ một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng), án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị Phục H phải chịu 21.131.610 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo hai biên lai thu số 0001691, Quyền số 0034 ngày 29/12/2020 và số 0001704 quyền số 0035 ngày 08/01/2021 là 57.294.803đ của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Phước. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B hoàn trả cho bà Võ Thị Phục H số tiền còn lại 36.163.193đ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tr, ông Ch không phải chịu. Hoàn trả ông, bà 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông, bà đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001822 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Phước.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lê Viết Phong